

GIẢI PHÁP ĐƯA TUYỀN QUANG TRỞ THÀNH TỈNH PHÁT TRIỂN KHÁ TRONG VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Lê Văn Chiến

Viện Lãnh đạo học và Chính sách công, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Email: chientkpt72@gmail.com

Ngày nhận: 12/9/2016

Ngày nhận bản sửa: 28/10/2016

Ngày duyệt đăng: 15/01/2017

Tóm tắt:

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định mục tiêu, đến 2020, đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc. Bài viết này phân tích thực trạng kinh tế - xã hội của Tuyên Quang trong so sánh với các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm định vị trình độ phát triển của Tuyên Quang trong khu vực. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đến cuối năm 2016, khoảng 2/3 số chỉ tiêu đo lường trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Tuyên Quang đã đạt mức khá trong khu vực. Điều đó đồng nghĩa với việc để đạt được mục tiêu đề ra, từ nay đến năm 2020, Tuyên Quang phải phấn đấu đưa số chỉ tiêu còn lại đạt mức khá. Bài viết đề xuất một số giải pháp giúp Tuyên Quang đạt được mục tiêu đề ra.

Từ khóa: Tuyên Quang, miền núi phía Bắc, kinh tế - xã hội, phát triển.

The solutions to help Tuyen Quang become a developed province in the Northern mountainous area of Vietnam

Abstract:

In its 16th Congress of 2015-2020 term, Tuyen Quang Provincial branch of the Communist Party set a target that by 2020, Tuyen Quang will become one of the most developed provinces in the Northern mountainous region which includes 11 provinces. This article analyzes the current socio-economic development of Tuyen Quang in comparison with other provinces in the region to identify the current development level. The findings show that, by the end of 2016, two third of Tuyen Quang development indicators have already been above regional average. This means that, in order to achieve the target, by 2020, Tuyen Quang must strive to achieve the remaining indicators. This study proposes a number of measures to help Tuyen Quang to achieve the goal.

Keywords: Tuyen Quang, Northern mountainous area, socio-economics, development.

1. Đặt vấn đề

Tuyên Quang là tỉnh nằm ở trung tâm của vùng miền núi phía Bắc¹, tiếp giáp với các tỉnh Hà Giang (phía Bắc), Bắc Kạn và Thái Nguyên (phía Đông), Yên Bái (phía Tây), Vĩnh Phúc và Phú Thọ (phía nam). Diện tích tự nhiên của Tuyên Quang là 5.867,9 km², dân số 760.289 người (năm 2015), mật độ dân số 130 người/km². Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có 22 dân tộc cư trú, người dân tộc thiểu số chiếm hơn 54%. Tuyên Quang có một số loại tài nguyên

như: quặng sắt, barit, cao lanh, thiếc, mangan, chì, kẽm, Vonfram... (Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, 2016) có thể phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng, nhưng trữ lượng không lớn. Một số sông lớn chảy qua tỉnh có thể phát triển thủy điện và phục vụ đời sống của nhân dân như: sông Lô, sông Gâm, sông Phó Đáy... Mặc dù vị trí địa lý không thuận lợi cho phát triển kinh tế do nằm sâu trong nội địa, không có biển, không có cửa khẩu biên giới nhưng Đại hội Đại

biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã khẳng định mục tiêu “phấn đấu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc” (Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang, 2015). Để đạt được mục tiêu này Tuyên Quang phải thực hiện những giải pháp gì? Bài viết này sẽ so sánh thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của Tuyên Quang với các tỉnh khác trong vùng miền núi phía Bắc, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đưa Tuyên Quang đạt được mục tiêu mà Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

2. Khung phân tích

Phần này tác giả sẽ phát triển khung phân tích để so sánh trình độ phát triển các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc trên cơ sở lý thuyết phát triển.

Để đạt được mục tiêu đến năm 2020 Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng miền núi phía Bắc như Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, việc đầu tiên cần tiến hành là cụ thể hóa mục tiêu thành các chỉ tiêu định lượng cụ thể và đánh giá thực trạng phát triển hiện nay của Tuyên Quang, qua đó xác định rõ chỉ tiêu nào Tuyên Quang đã đạt được mức khá, cần củng cố, duy trì và chỉ tiêu nào cần phấn đấu thực hiện.

Theo lý thuyết phát triển bền vững, để đánh giá

trình độ phát triển của một quốc gia, một địa phương cần xem xét các chỉ tiêu phản ánh mức độ phát triển của ba lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. Ở đây, tác giả đưa thêm yếu tố quản trị như một nhân tố thúc đẩy sự phát triển của một tỉnh. Khung phân tích sẽ có dạng như sau (Hình 1).

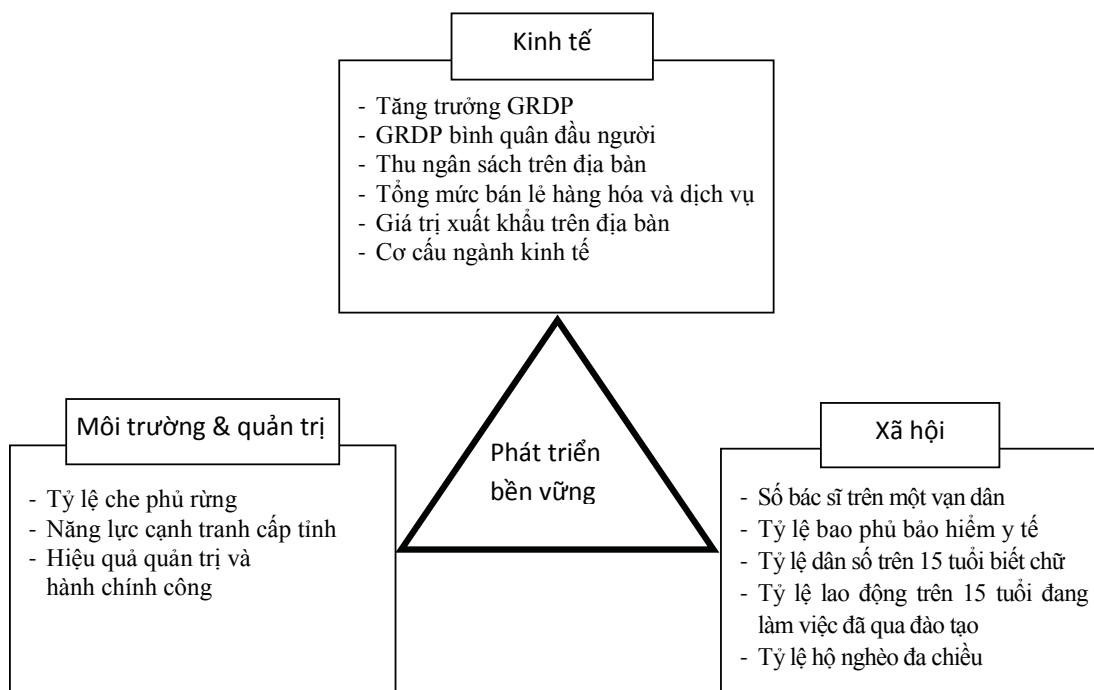
Để trở thành một tỉnh phát triển khá thì đến năm 2020, tất cả các chỉ tiêu phản ánh mức độ phát triển về kinh tế, xã hội và môi trường của Tuyên Quang phải đạt mức trung bình trở lên. Vùng miền núi phía Bắc bao gồm 11 tỉnh, điều đó có nghĩa là đến năm 2020 các chỉ tiêu phát triển của Tuyên Quang phải đứng thứ 5 trở lên. Cụ thể, các chỉ tiêu quan trọng cần được đánh giá và so sánh là:

- Về kinh tế, các chỉ tiêu bao gồm: tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), GRDP bình quân đầu người, thu ngân sách trên địa bàn, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, giá trị xuất khẩu, cơ cấu ngành kinh tế.

- Về xã hội, các chỉ tiêu bao gồm: số bác sĩ trên một vạn dân, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, tỷ lệ dân số trên 15 tuổi biết chữ, tỷ lệ lao động trên 15 tuổi đang làm việc đã qua đào tạo, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.

- Về môi trường và quản trị, các chỉ tiêu bao gồm:

Hình 1. Khung phân tích phát triển của tỉnh



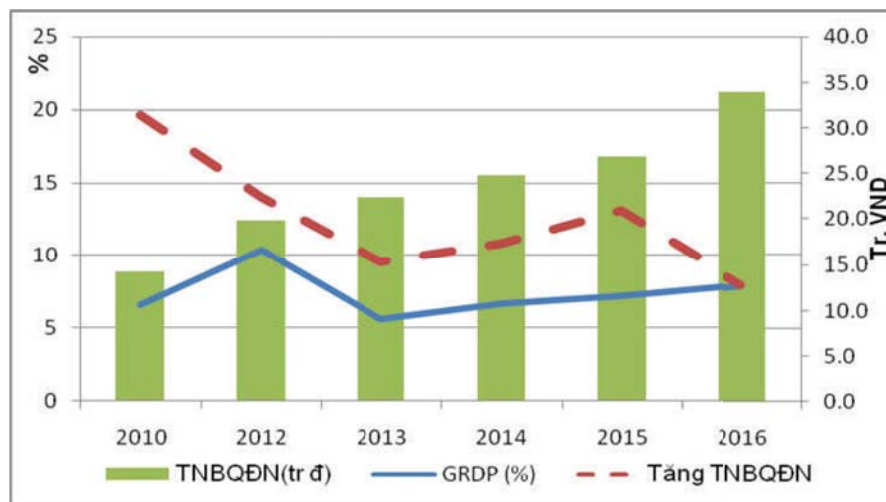
Nguồn: Tổng hợp và phát triển từ Nguyễn Văn Sử (2013)

Bảng 1. Cơ cấu kinh tế tỉnh Tuyên Quang

Đơn vị: %

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Nông nghiệp	37,1	35	31,7	30,3	30,3	27,1	24,5
Công nghiệp	25,1	24,1	28,6	30,2	28,1	34,1	37,6
Dịch vụ	37,8	40,9	39,7	39,5	41,6	38,8	37,9
Tổng	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang (2016)

Hình 2. Tăng trưởng kinh tế của Tuyên Quang

Nguồn: Cục Thống kê Tuyên Quang và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang (2016)

tỷ lệ che phủ rừng, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

3. Thực trạng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tuyên Quang và so sánh với các tỉnh trong vùng

3.1. Về kinh tế

Hình 2 mô tả một số chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế của Tuyên Quang trong giai đoạn 2010-2016. Trong giai đoạn này, giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn Tuyên Quang luôn tăng trưởng ở mức khá, bình quân giai đoạn 2010-2016 đạt mức trên 7,5%/năm, trong khi đó thu nhập bình quân đầu người cũng tăng trưởng ở mức trung bình 12,5%/năm. Kết quả này đã đưa mức thu nhập bình quân đầu người năm 2016 của Tuyên Quang đạt 34 triệu đồng/người/năm, đứng thứ 3 trong các tỉnh miền núi phía Bắc, sau Lào Cai và Hòa Bình (xem Bảng 1).

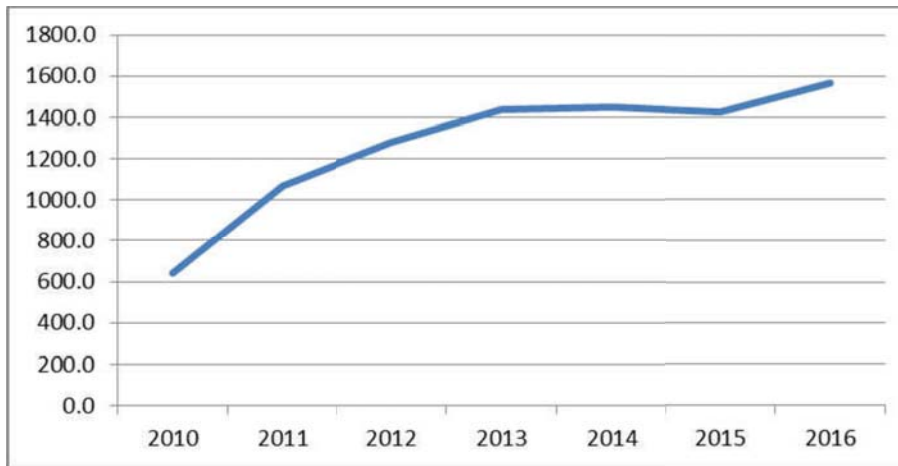
Về cơ cấu kinh tế: Những năm qua cơ cấu kinh tế của Tuyên Quang luôn chuyển dịch theo hướng hiện đại. Tỷ trọng nông nghiệp liên tục giảm từ 37,1% năm 2010

xuống còn 24,5% năm 2016, trong khi tỷ trọng công nghiệp tăng từ 25,1% năm 2010 lên 37,6% năm 2016. Riêng tỷ trọng dịch vụ thay đổi không đáng kể (Bảng 1). Để so sánh với các tỉnh trong vùng, bài viết sử dụng tiêu chí tỷ trọng nông nghiệp trong tổng sản phẩm làm thước đo. Theo quan niệm phổ biến hiện nay, giá trị sản lượng nông nghiệp càng chiếm tỷ trọng thấp thì nền kinh tế càng hiện đại, trình độ phát triển càng cao. Bảng 1 cho thấy, cơ cấu kinh tế của Tuyên Quang còn khá lạc hậu, do tỷ trọng nông nghiệp còn khá cao, nên mức độ hiện đại của nền kinh tế chỉ đứng thứ 6 trong 11 tỉnh miền núi phía Bắc (Bảng 2).

Nhờ sản xuất tăng nhanh nên những năm qua thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cũng liên tục tăng với tốc độ khá cao (Hình 3). Năm 2010, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh mới đạt mức 643,3 tỷ đồng thì năm 2016 con số này đã tăng lên 1.565 tỷ đồng, gấp gần 3 lần so với năm 2010. Tuy nhiên, nếu so sánh với các tỉnh vùng miền núi phía Bắc thì thu ngân sách trên

Hình 3. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang (2016)

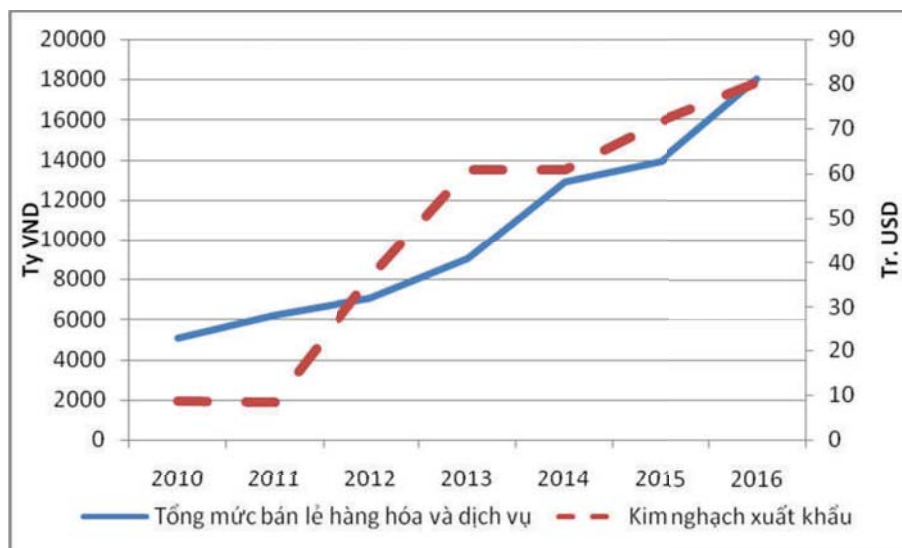
địa bàn của Tuyên Quang còn khá thấp, chỉ đứng thứ 8 trong 11 tỉnh.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội, một chỉ tiêu phản ánh mức tiêu dùng của xã hội, cũng đã tăng nhanh trong những năm qua với mức trung bình khoảng 24%/năm. Năm 2010 chỉ tiêu này mới đạt mức gần 6.200 tỷ đồng thì năm 2016 đã đạt mức 18.000 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần sau 6 năm (Hình 4). Vì vậy, Tuyên Quang có tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ cao thứ 2 trong 11 tỉnh vào năm 2016 (Bảng 2). Cùng với nó,

giá trị kim ngạch xuất khẩu cũng tăng gấp 10 lần trong 6 năm, từ mức 8,6 triệu USD năm 2010 lên 80,2 triệu USD năm 2016 (Hình 4). Trong so sánh với các tỉnh miền núi phía Bắc, Tuyên Quang đứng thứ 5 về kim ngạch xuất khẩu (Bảng 2).

Các số liệu trên cho thấy, Tuyên Quang có thu nhập bình quân đầu người và tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ cao và tăng nhanh thể hiện mức tiêu dùng hay đời sống của người dân Tuyên Quang khá cao nhưng thu ngân sách của tỉnh lại ở mức khá thấp. Điều này một

Hình 4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ và kim ngạch xuất khẩu của Tuyên Quang



Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang (2016)

Bảng 2. So sánh và xếp hạng các chỉ tiêu phát triển kinh tế của các tỉnh miền núi phía Bắc năm 2016

TT	Tỉnh	Tốc độ tăng trưởng GRDP		Thu nhập bình quân đầu người		Thu ngân sách trên địa bàn		Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ		Giá trị xuất khẩu	
		(%)	Xếp thứ	(triệu VND/năm)	Xếp thứ	Tỷ VNĐ	Xếp thứ	Nghìn tỷ VNĐ	Xếp thứ	Triệu USD	Xếp thứ
		(1)	(1)	(2)	(2)	(3)	(3)	(4)	(4)	(5)	(5)
1	Tuyên Quang	8,0	5	34,0	3	1.565,0	8	18,0	2	80,2	5
2	Hà Giang	6,5	9	20,5	11	1.786,0	6	7,6	8	35,3	8
3	Yên Bái	6,7	8	29,0	5	2.255,0	5	11,1	6	75,8	6
4	Lào Cai	10,1	2	46,0	1	6.218,3	2	17,3	3	344,5	4
5	Điện Biên	6,8	7	22,3	9	1.007,4	10	8,1	7	30,5	9
6	Lai Châu	24,9	1	22,5	8	1.600,0	7	4,3	11	5,4	10
7	Sơn La	9,2	3	25,4	7	3.893,0	3	14,7	5	43,0	7
8	Lạng Sơn	8,1	4	32,4	4	6.546,0	1	15,3	4	1.950,0	1
9	Cao Bằng	6,1	10	21,0	10	1.386,0	9	5,5	9	475,0	2
10	Bắc Kạn	5,7	11	26,5	6	520,0	11	4,4	10	2,0	11
11	Hòa Bình	7,6	6	36,5	2	2.940,0	4	18,5	1	370,8	3

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh miền núi phía Bắc (2016)

Bảng 3. Cơ cấu kinh tế của các tỉnh miền núi phía Bắc năm 2016

TT	Tỉnh	Nông nghiệp	Công việc	Dịch vụ	Sếp thứ
		(6)	(6)	(6)	(6)
1	Tuyên Quang	24,5	37,6	37,9	6
2	Hà Giang	32,7	24,13	43,21	10
3	Yên Bái	24	28,6	47,4	5
4	Lào Cai	15,6	44,3	40,1	1
5	Điện Biên	23,8	25,3	48,5	4
6	Lai Châu	20,4	35,6	44	3
7	Sơn La	28,8	20	51,2	8
8	Lạng Sơn	30,9	23,2	45,9	9
9	Cao Bằng	27	19	54	7
10	Bắc Kạn	34,3	13,2	50,2	11
11	Hòa Bình	18,7	54,6	26,7	2

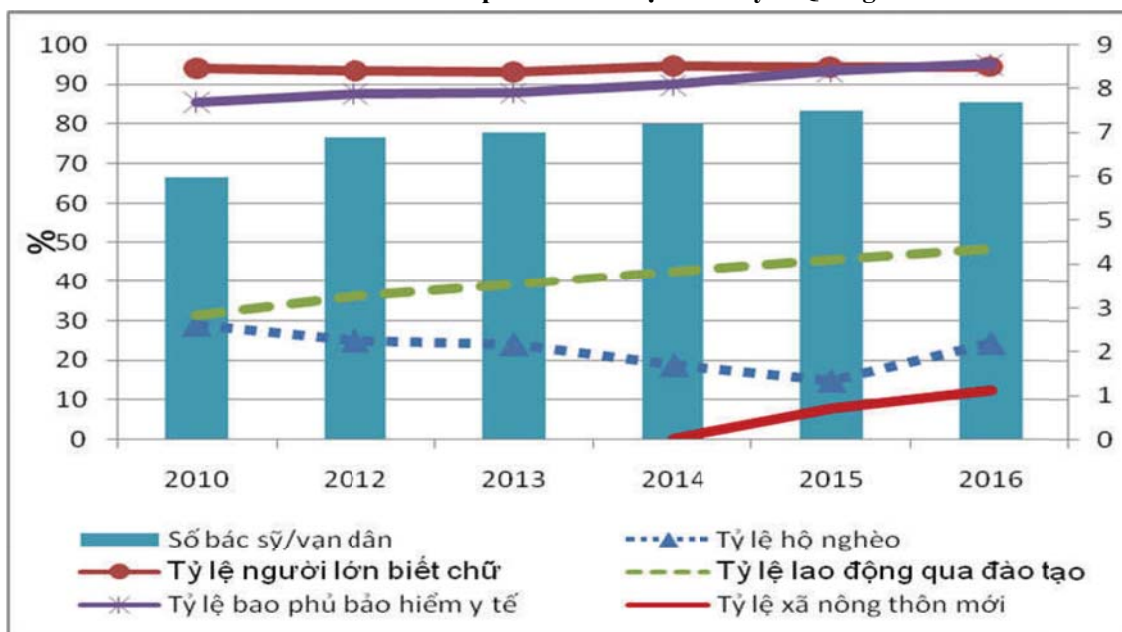
Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh miền núi phía Bắc (2016)

phần xuất phát từ cơ cấu kinh tế tương đối lạc hậu của tỉnh. Khi tỷ lệ nông nghiệp còn cao trong cơ cấu tổng sản phẩm thì thu nhập của người dân có thể cao mà thu ngân sách vẫn đạt thấp do nông nghiệp là ngành được miễn thuế hoàn toàn. Thực tế cũng cho thấy, các hộ nông dân trồng cam ở huyện Hàm Yên có thu nhập hàng tỷ đồng mỗi năm nhưng họ không phải nộp đồng thuế nào.

Bảng 2 cho thấy trong 6 chỉ tiêu phản ánh trình độ

phát triển về mặt kinh tế, Tuyên Quang có đến 4 chỉ tiêu ở mức trên trung bình của cả vùng miền núi phía Bắc. Trong đó, quan trọng nhất là các chỉ tiêu: thu nhập bình quân đầu người, năm 2016, Tuyên Quang đứng thứ 3 trong vùng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đứng thứ 2 trong vùng. Hai chỉ tiêu này thể hiện mức sống của người dân Tuyên Quang hiện khá cao so với các tỉnh còn lại trong vùng. Tuy nhiên, còn 2 chỉ tiêu quan trọng khác Tuyên Quang còn đạt thấp đó là: thu ngân

Hình 5. Chỉ tiêu phát triển xã hội tỉnh Tuyên Quang



Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang và Tổng cục Thống kê (2016)

sách trên địa bàn đứng thứ 8; cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại đứng thứ 6 trong vùng. Đây cũng là 2 chỉ tiêu mà Tuyên Quang cần nỗ lực cải thiện.

Hình 5 cho thấy một số chỉ tiêu cơ bản phản ánh trình độ phát triển về mặt xã hội của Tuyên Quang đã có tiến bộ đáng kể trong những năm qua. Tuy nhiên, nếu so sánh với các tỉnh trong vùng miền núi phía Bắc (Bảng

4) thì vẫn còn một số chỉ tiêu Tuyên Quang đạt dưới mức trung bình.

Cụ thể, cùng với xu hướng chung của cả nước, tỷ lệ hộ nghèo của Tuyên Quang đã giảm liên tục từ mức 28,8% năm 2010 xuống 14,7% năm 2015, trước khi tăng lên 24,2% vào năm 2016, chủ yếu do thay đổi chuẩn nghèo. Tuyên Quang là tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo

Bảng 4. So sánh và xếp hạng các chỉ tiêu phát triển xã hội của các tỉnh miền núi phía Bắc

TT	Tỉnh	Xã nông thôn mới (2016)		Số bác sỹ trên 10.000 dân (2016)		Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (2016)		Tỷ lệ dân số trên 15 tuổi biết chữ (2015)		Tỷ lệ lao động trên 15 tuổi đang làm việc qua đào tạo nghề (2015)		Tỷ lệ hộ nghèo (2016)	
		%	Xếp thứ	Bác sỹ	Xếp thứ	%	Xếp thứ	%	Xếp thứ	%	Xếp thứ	%	Xếp thứ
		(1)	(1)	(2)	(2)	(3)	(3)	(4)	(4)	(5)	(5)	(6)	(6)
1	Tuyên Quang	4,3	5	7,7	10	95,2	6	94,5	3	20,4	1	24,2	3
2	Hà Giang	3,6	7	10,2	4	97,8	2	74,9	10	9,2	11	38,6	9
3	Yên Bái	2,2	9	8,4	8	88,7	11	89,0	5	16,9	4	27,0	4
4	Lào Cai	1,2	11	10,0	5	98,5	1	83,3	7	15,7	7	27,4	5
5	Điện Biên	6,2	4	11,7	3	97,5	3	75,1	9	17,9	3	44,9	11
6	Lai Châu	16,7	2	8,8	7	93,2	7	59,2	11	12,3	9	36,5	8
7	Sơn La	3,9	6	5,9	11	91,0	10	77,7	8	12,1	10	31,4	7
8	Lạng Sơn	10,6	3	9,1	6	91,1	9	96,7	2	16,1	6	22,6	2
9	Cao Bằng	1,5	10	13,0	2	97,4	4	85,5	6	19,1	2	38,6	10
10	Bắc Kạn	3,3	8	14,3	1	96,0	5	93,9	4	15,6	8	29,4	6
11	Hòa Bình	17,6	1	7,8	9	91,8	8	96,8	1	16,6	5	20,1	1

Nguồn: (1), (7): Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh miền núi phía Bắc (2016)
(2), (3), (4), (5), (6): Tổng cục Thống kê (2016)

Bảng 5. So sánh và xếp hạng các chỉ tiêu phát triển môi trường và quản trị của các tỉnh miền núi phía Bắc

TT	Tỉnh	Tỷ lệ che phủ rừng (%) năm 2016	Xếp thứ	PCI 2015	Xếp thứ trong vùng	PAPI 2015	Xếp thứ trong vùng
		(1)	(1)	(2)	(2)	(3)	(3)
1	Tuyên Quang	64	2	48	4	19	2
2	Hà Giang	55,1	5	62	11	63	11
3	Yên Bái	62,5	3	51	5	59	9
4	Lào Cai	54,2	6	5	1	28	3
5	Điện Biên	38,7	11	53	6	35	5
6	Lai Châu	46,8	9	61	10	61	10
7	Sơn La	42,8	10	44	2	31	4
8	Lạng Sơn	61,6	4	57	7	39	6
9	Cao Bằng	53,8	7	58	8	53	8
10	Bắc Kạn	70,8	1	60	9	40	7
11	Hòa Bình	51,2	8	46	3	17	1

Nguồn: (1) *Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh miền núi phía Bắc (2016)*

(2) *Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (2016)*

(3) *Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2016)*

thấp thứ 3 trong 11 tỉnh vùng miền núi phía Bắc. Điều này khá phù hợp với chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người (khá cao) của Tuyên Quang.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo của Tuyên Quang cũng tăng từ mức 31,5% năm 2010 lên mức 48,5% năm 2016 (Hình 5). Đặc biệt tỷ lệ lao động trên 15 tuổi đang làm việc đã qua đào tạo nghề năm 2016 đạt 20,4%; đứng thứ nhất trong các tỉnh miền núi phía Bắc (Bảng 4).

Tỷ lệ dân số trên 15 tuổi biết chữ cũng thường xuyên đạt mức trên 94%, năm 2016 Tuyên Quang đứng thứ 3 trong vùng về chỉ tiêu này.

Phong trào xây dựng nông thôn mới của cả nước bắt đầu từ năm 2010, đến năm 2014 Tuyên Quang mới có xã đầu tiên đạt chuẩn nông thôn mới. Từ đó đến nay, mỗi năm Tuyên Quang có thêm 7-8 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Hình 5). Đến cuối năm 2016, số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 16, chiếm 4,3% tổng số xã trong tỉnh; đứng thứ 5 trong các tỉnh miền núi phía Bắc (Bảng 4).

Tuy nhiên, vẫn còn hai chỉ tiêu là số bác sĩ trên một vạn dân và tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế Tuyên Quang đạt mức dưới trung bình của vùng. Cụ thể đến cuối năm 2016 số bác sĩ trên vạn dân của Tuyên Quang đạt 7,7 xếp thứ 10; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95,2% đứng thứ 6 trong vùng.

Bảng 4 cho thấy đến năm 2016, Tuyên Quang có 4/6 chỉ tiêu phát triển xã hội cho thấy, xếp trên trung bình. Các chỉ tiêu quan trọng như tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ lao động qua đào tạo của Tuyên Quang đều đạt

mức khá. Tuy vậy, lĩnh vực y tế của Tuyên Quang còn yếu và cần phấn đấu để đạt mức trên trung bình của vùng.

3.2. Về phát triển môi trường và quản trị

Có rất nhiều chỉ tiêu đo lường mức độ phát triển về môi trường như mức độ ô nhiễm không khí, nước... tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải và chất thải công nghiệp, y tế. Tuy nhiên do không có số liệu báo cáo của một số tỉnh nên bài viết này chỉ có thể so sánh mức độ che phủ rừng giữa các tỉnh. Thay vào đó chúng tôi thu thập thêm số liệu về quản trị nhà nước đó là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), vì đây là những chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng môi trường xã hội của các tỉnh.

Về tỷ lệ che phủ rừng, Tuyên Quang thường xuyên đạt mức trên 62%. Năm 2016, tỷ lệ này là 64%, đứng thứ 2 so với các tỉnh trong vùng, chỉ sau Bắc Kạn.

Tương tự như chỉ tiêu về độ che phủ rừng, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), một chỉ số đánh giá của người dân về hoạt động của các cấp chính quyền, Tuyên Quang cũng đạt mức khá và liên tục được cải thiện qua các năm². Năm 2015, PAPI của Tuyên Quang xếp thứ 19 trong 63 tỉnh, thành trong cả nước, xếp thứ 2 trong vùng.

Tuy nhiên, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Tuyên Quang lại thường xuyên đứng ở nhóm cuối bảng. Năm 2013, Tuyên Quang xếp thứ 63/63 tỉnh

thành. Năm 2015 dù đã vươn lên vị trí thứ 48 nhưng vẫn là một trong những tỉnh có thứ hạng thấp³. Dù vậy, so với các tỉnh trong vùng thì Tuyên Quang vẫn xếp ở nhóm khá, cụ thể năm 2015 Tuyên Quang xếp thứ 4/11 tỉnh trong vùng.

Bảng 5 cho thấy ở nhóm chỉ tiêu môi trường và quản trị, Tuyên Quang đều đạt mức khá trong vùng. Tuy nhiên PCI mới đứng thứ 48 cả nước cho thấy tỉnh có triển vọng và cần cải thiện chỉ tiêu này.

4. Một số kết luận và khuyến nghị giải pháp

Trong các chỉ tiêu phát triển mà bài viết này phân tích, hiện nay Tuyên Quang đã có khoảng trên 2/3 chỉ tiêu đạt mức khá trong vùng. Trong đó, tất cả các chỉ tiêu phát triển môi trường Tuyên Quang đã đạt mức khá. Các chỉ tiêu về phát triển về kinh tế và xã hội, Tuyên Quang có 2/3 đạt mức khá. Qua phân tích số liệu tác giả nhận thấy các chỉ tiêu này đều có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau. *Đầu tiên*, mức sống dân cư, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ cao nhưng thu ngân sách trên địa bàn đạt thấp là do cơ cấu kinh tế của tỉnh còn lạc hậu, nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn. Trong khi thu nhập của các hộ nông dân trong tỉnh khá cao do đất đai rộng và trồng các loại cây ăn quả như cam, bưởi thì ngân sách nhà nước không thu được đồng nào do chính sách miễn thuế nông nghiệp. Bên cạnh các lý do khác như công tác quản lý thu thì đây là lý do giải thích tại sao mức sống của người dân cao nhưng thu ngân sách đạt thấp. *Thứ hai*, bên cạnh điều kiện về địa lý khó khăn, tài nguyên khoáng sản không nhiều như giới thiệu ở phần đầu bài viết, thì môi trường kinh doanh của tỉnh chưa thực sự hấp dẫn, thể hiện qua chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh còn thấp (xếp thứ 48/63 tỉnh/thành phố năm 2015) là một trong những nguyên nhân khiến công nghiệp và dịch vụ của Tuyên Quang chưa phát triển như mong đợi. *Thứ ba*, khi thu ngân sách trên địa bàn đạt thấp, mức độ chủ động về ngân sách bị hạn chế thì việc đầu tư ngân sách cho phát triển xã hội không thể đảm bảo. Do đó, một số chỉ tiêu về phát triển xã hội thấp.

Từ những phân tích trên đây, mục tiêu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng miền núi phía Bắc vào năm 2020 như Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra là một nhiệm vụ hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu trên thì tỉnh cần quyết liệt thực hiện một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, Tuyên Quang cần tiếp tục duy trì các

chỉ tiêu đã đạt mức khá, tránh để các tỉnh trong vùng vượt lên. Vì vậy, trước tiên tỉnh cần giữ vững vị trí ở các chỉ số đã đạt mức khá.

Thứ hai, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Để có nguồn thu ngân sách phục vụ nhu cầu chi cho các lĩnh vực xã hội, trong những năm tới Tuyên Quang cần đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ. Muốn vậy, tỉnh cần quan tâm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Chỉ có như vậy, tỉnh mới thu hút được các doanh nghiệp đến đầu tư phát triển sản xuất và dịch vụ qua đó tăng thu ngân sách trên địa bàn của tỉnh.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển dịch vụ nhất là dịch vụ du lịch trên cơ sở phát huy lợi thế của tỉnh. Tuyên Quang có lợi thế là một số cảnh quan thiên nhiên đẹp, khu di tích cách mạng thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, du lịch về nguồn. Tuy nhiên, hiện nay các điểm du lịch của Tuyên Quang vẫn còn hoang sơ, chưa được đầu tư và khai thác đúng mức. Để phát triển du lịch, tăng thu cho ngân sách tỉnh cần có các địa điểm giữ chân du khách ở lại qua đêm. Muốn vậy, tỉnh cần kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng một số địa điểm vui chơi, nghỉ dưỡng như resort, vườn thú safari hay kết hợp phát triển du lịch với phát triển nông nghiệp như du lịch nhà vườn, hái cam...

Thứ tư, phát triển cơ sở hạ tầng, kết nối Tuyên Quang với các tỉnh trong khu vực và Hà Nội. Để phát triển được công nghiệp và dịch vụ thì một trong những điều kiện tiên quyết là phải có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt. Do vậy, trong những năm tới, tỉnh cần ưu tiên đầu tư cho hệ thống đường giao thông như đường cao tốc nối Tuyên Quang với cao tốc Hà Nội - Lào Cai, giao thông đường thủy và giao thông nội tỉnh. Đảm bảo kết nối và rút ngắn khoảng cách giữa Tuyên Quang và Hà Nội, Tuyên Quang với các tỉnh lân cận, nhất là các tỉnh có cửa khẩu biên giới như Cao Bằng, Lạng Sơn...

Thứ năm, quan tâm đầu tư cho các lĩnh vực xã hội như y tế, giáo dục, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Trong bối cảnh thu ngân sách trên địa bàn thấp, để nâng cao các chỉ tiêu phát triển xã hội, ngoài việc thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ tạo nguồn thu thì việc nâng cao hiệu quả các khoản đầu tư cho xã hội như y tế, giáo dục cần được các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm thực hiện.

Ghi chú:

1. Vùng miền núi phía Bắc bao gồm 11 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình.
2. Độc giả có thể xem thêm tại <http://papi.org.vn/ho-so-tinh?tin=tuyen-quang&y=2015>.
3. Độc giả có thể xem thêm tại <http://www.pcvietnam.org/tuyen-quang>.

Tài liệu tham khảo

- Công thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang (2016), truy cập ngày 28 tháng 2 năm 2017, từ <<http://www.tuyenquang.gov.vn/>>.
- Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang (2016), *Niên giám thống kê online*, truy cập ngày 28 tháng 2 năm 2017, từ <[http://www.tuyenquang.gov.vn/\(X\(1\)S\(zl3xklacaxavtn2czlhtdagt\)\)/s0p7_nien-giam](http://www.tuyenquang.gov.vn/(X(1)S(zl3xklacaxavtn2czlhtdagt))/s0p7_nien-giam)>.
- Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UNDP), *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh*, truy cập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ <<http://papi.org.vn/>>.
- Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020*.
- Nguyễn Văn Sừ (biên soạn, 2013), *Kinh tế phát triển*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (2016), *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI*, truy cập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ <<http://www.pcvietnam.org/>>.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam (2016), truy cập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ <<https://gso.gov.vn/>>.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Bắc Kạn.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Cao Bằng.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Điện Biên.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Hà Giang.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Hòa Bình.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Lai Châu.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Lạng Sơn.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Lào Cai.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Sơn La.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Tuyên Quang.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang (2011), *Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015*, Tuyên Quang.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (2016), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017*, Yên Bái.